

Bản án số: **79/2023/DS-ST**

Ngày: 22/6/2023

V/v T/C Hợp đồng cầm cố và mượn tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Huol.
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2023, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 74/2023/TLST-DS, ngày 03/4/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng cầm cố và mượn tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-DS ngày 18/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2023/QĐST-DS ngày 05/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH S.** Trụ sở chính: **Số A N, Phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.** Địa chỉ hội sở: **Số I L, Phường H, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh,** là nguyên đơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Prart J** – Chức vụ: Tổng giám đốc, Người đại diện theo ủy quyền ông **Lê Văn H,** theo Quyết định số 07/04/2023/UQ-SVN ngày 12/Q3/2023 của Quản lý khu vực về việc Ủy quyền thực hiện hoạt động tổ tụng (ông **H** có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Út N,** sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Số B, ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Công ty TNHH S** trình bày: Vào ngày 30/05/2022, bà **Nguyễn Thị Út N** có đến chi nhánh của Công ty tại địa chỉ: **Số B N, P. A, quận N, TP.** để ký hợp đồng cầm cố tài sản số: NCM220501009NA20X ngày 31/05/2022 và có đăng ký giao dịch bảo đảm

theo quy định. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh BKS 83C1-652.46; Loại xe HONDA WAVE màu: Trắng Đen Bạc, số khung RLHJA3925LY108739, số máy JA39E2113058; mục đích là để lấy số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); thời hạn cầm cố là 6 tháng (từ 31/05/2022-30/11/2022) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Út N và Công ty có ký giấy cho bà Nguyễn Thị Út N mượn sử dụng lại xe thời hạn mượn từ 31/05/2022 đến 30/06/2022, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Út N có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, bà Nguyễn Thị Út N chưa thanh toán theo đúng hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng bà Nguyễn Thị Út N không trả nợ và xe máy cho Công ty.

Theo đơn khởi kiện, Công ty TNHH S yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Út N phải thực hiện nghĩa vụ trả lại xe theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh N1 - Công ty TNHH S số NCM220501009NA20X ngày 30/05/2022. Tài sản buộc trả là 01 xe mô tô hai bánh biển số: 83C1-652.46; Loại xe: HONDA WAVE; Số khung: RLHJA3925LY108739; Số máy: JA39E2113058.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị Út N không trả lại xe cầm cố thì buộc bà Nguyễn Thị Út N thanh toán số tiền 8.219.0000 đồng, bao gồm tiền gốc là 5.880.000 đồng, lãi là 285.000 đồng và phí phạt: 1.319.000 đồng. Ngoài ra bà Nguyễn Thị Út N phải tiếp tục chịu phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 30/05/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện Công ty TNHH S xác định lại Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe số NCM220501009NA20X là ngày 31/05/2022 (thay vì đơn khởi kiện ghi nhầm là ngày 30/05/2022). Đồng thời rút yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Út N về việc trả lại xe máy đã mượn của Công ty.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Út N: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của bà.

Nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với bị đơn Nguyễn Thị Út N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều

91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 309, 312, 314, 316, 357, 468, 494 và 499 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn bà **Nguyễn Thị Út N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét thấy cần bổ sung quan hệ tranh chấp đối với việc thỏa thuận mượn xe máy giữa các bên nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng cầm cố và mượn tài sản”.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà **N** trả lại 01 xe mô tô hai bánh biển số 83C1-652.46. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty TNHH S và bà **Nguyễn Thị Út N** có ký hợp đồng cầm cố tài sản số: NCM220501009NA20X ngày 31/05/2022 và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh Biển kiểm soát 83C1-652.46; mục đích là để lấy số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 6 tháng (từ 30/05/2022-30/11/2022) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà **Nguyễn Thị Út N** và các bên ký Giấy mượn xe ngày 31/5/2022. Theo đó, bà **Nguyễn Thị Út N** mượn sử dụng lại xe trên, thời hạn mượn từ 31/05/2022 đến 30/06/2022, địa điểm trả xe là tại **Chi nhánh N1**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **N** nhưng bà **N** không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử cho rằng Hợp đồng cầm cố và thỏa thuận mượn tài sản giữa **Công ty TNHH S** và bà **N** được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà **N** đã vi phạm nghĩa vụ, khi không trả tiền cổ xe, tiền lãi cũng như chi phí mượn xe như đã thỏa thuận. Tính đến ngày 22/6/2023, bà **Nguyễn Thị Út N** còn nợ công ty số tiền cổ xe là 5.879.136 đồng, tiền lãi là 1.163.063 đồng, tiền phí mượn xe là 1.449.070 đồng và phí quản lý là 345.017 đồng. Tổng cộng là 8.836.286 đồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S là có căn cứ nên cần áp dụng các Điều 309, 310, 312, 314, 316, 357, 468, 494 và 499 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Út N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $8.836.286 \text{ đồng} \times 5\% = 441.814 \text{ đồng}$.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 309, 310, 312, 314, 316, 357, 468, 494 và 499 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Út N trả lại 01 xe mô tô hai bánh biển số 83C1-652.46; Loại xe: HONDA WAVE; Số khung: RLHJA3925LY108739; Số máy: JA39E2113058.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Út N phải trả cho Công ty TNHH S số tiền cổ xe là 5.879.136 đồng, tiền lãi là 1.163.063 đồng, tiền phí mượn xe là 1.449.070 đồng và phí quản lý là 345.017 đồng. Tổng cộng là 8.836.286 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty TNHH S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Út N còn phải có trách nhiệm trả lãi cho Công ty TNHH S theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Út N phải chịu là án phí dân sự sơ thẩm là 441.814 đồng.

Công ty TNHH S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007036 ngày 29/3/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa